

Số: 05-2024/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Sửa đổi Điều lệ, các Quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ thông qua)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong năm 2023, Công ty đã tiến hành sửa đổi Điều lệ một (01) lần theo Nghị quyết số 01-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2023 Đại hội đồng Cổ đông phiên họp thường niên năm 2023.

Điều lệ hiện hành của Công ty có hiệu lực kể từ ngày 23/4/2023 và là bản duy nhất, đã được công bố thông tin toàn văn theo quy định pháp luật.

Thực hiện trách nhiệm được ĐHĐCĐ giao phó, Hội đồng Quản trị, các Tiểu ban thuộc HĐQT và Văn phòng HĐQT đã triển khai rà soát, soạn thảo, xây dựng và hoàn thiện Dự thảo Điều lệ SHS và các Quy chế nội bộ Công ty thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ thông qua.

Đối chiếu với các điều, khoản, các quy định mới được ban hành của Luật, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Điều lệ của SHS và các Quy chế thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ phê duyệt cần thiết phải được sửa đổi, bổ sung một số điều khoản với mục tiêu:

- Phù hợp với các quy định của Luật, thực tế hoạt động của doanh nghiệp;
- Bảo vệ quyền lợi của đồng thời Cổ đông, Nhà Đầu tư, đối tác và Doanh nghiệp;
- Nâng cao trách nhiệm công ty, tăng cường tính minh bạch, tính tuân thủ pháp luật, an toàn tài chính và quản trị rủi ro trong tất cả hoạt động quản trị, điều hành và nghiệp vụ;
- Xây dựng hoàn thiện Điều lệ và hệ thống Quy chế nội bộ SHS chuẩn mực đúng pháp luật, nội dung thống nhất, phù hợp với thực tế hoạt động, tạo môi trường pháp lý cho sự phát triển ổn định, bền vững, minh bạch của Công ty, đáp ứng yêu cầu hội nhập, phát triển của SHS trong hệ thống tài chính, thị trường chứng khoán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận các kiến nghị của HĐQT như sau:

1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung, thông qua toàn văn Dự thảo Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội thay thế cho các văn bản hiện hành:

Bảng Phụ lục Chi tiết nội dung sửa đổi, Dự thảo Điều lệ được đăng tải tại website Công ty <http://dhcd.shs.com.vn/> và trong Bộ Tài liệu Đại hội.

2. Phê chuẩn giao cho Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - Căn cứ các nội dung sửa đổi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, thực hiện soạn thảo, cập nhật, chỉnh lý, sửa đổi nội dung của các quy định liên quan, làm rõ các nội dung cần thiết, điều chỉnh thứ tự các Điều/Khoản/Điểm, làm rõ các nội dung cần thiết,... tại Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, các văn bản nội bộ có liên quan khác hiện hành của Công ty;
 - Ban hành Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và các văn bản nội bộ có liên

quan khác ghi nhận việc sửa đổi, bổ sung theo chủ trương được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu có);

- Báo cáo ĐHĐCĐ tại phiên họp thường niên gần nhất về việc thực hiện các công việc được ủy quyền nêu trên.

Toàn văn Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và các văn bản nội bộ có liên quan khác sẽ được công bố thông tin, báo cáo cho toàn thể Cổ đông, Nhà Đầu tư, CQQLNN theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT; SGDCK; UBCKNN;
- Lưu VT, VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN
HÀ NỘI
Đ. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI
ĐỖ QUANG VINH

S. G. P. K.
CH
HOÀN

PHỤ LỤC

CHI TIẾT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

(Phụ lục kèm theo Tờ trình số 05-2024/TTr-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024)

TT	NỘI DUNG	KIỆN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO/CĂN CỨ
1.	Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng Cổ đông phiên họp thường niên năm 2023 Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.	Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/5/2024 của Đại hội đồng Cổ đông phiên họp thường niên năm 2024 Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.	
2.	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1.f. "Người quản lý Công ty" bao gồm Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, các chức danh khác theo Quyết định của Hội đồng Quản trị.	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. f. "Người quản lý Công ty" bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm là Cán bộ quản lý (được ghi rõ trong Quyết định bổ nhiệm là "Cán bộ quản lý") và phù hợp với quy định pháp luật liên quan.	Theo khoản 24 Điều 4 Luật DN
3.	Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 24 Điều lệ này;	Lược bỏ điểm s Khoản 2 Điều 37	- Phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp - Phù hợp với Điều lệ mẫu của Công ty đại chúng - Điều lệ mẫu của công ty đại chúng hiện hành đã lược bỏ nội dung quy định tại điểm s, Khoản 2 Điều 37 Điều lệ. Thẩm quyền phê duyệt việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty thực hiện theo quy định

SAIGON
HÀ NỘI
KẾ TÍNH

	<p>... s) Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p>		<p>tại điểm h, Khoản 2 Điều 37 Điều lệ.</p>
4.	<p>Điểm q Khoản 2 Điều 37 q) Đối với những Hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền thông qua/phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng, giao dịch lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng, giao dịch mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh);</p>	<p>Lược bỏ toàn bộ điểm q Khoản 2 Điều 37</p>	<p>- Lược bỏ để tinh gọn Điều lệ, vì việc ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện các phương án/giao dịch mà ĐHCĐ thông qua thường luôn được quy định tại từng Nghị quyết cụ thể.</p>
5.	<p>Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị dd) Khoản 2: Trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các vấn đề <u>theo Khoản 3 Điều này</u>;</p>	<p>“Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề <u>thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt/chấp thuận</u>”</p>	<p>Lược bỏ để tinh gọn Điều lệ, tránh sự trùng lặp giữa Khoản 3 Điều 37 và 1 số điều khoản khác của Điều lệ.</p>
6.	<p>Khoản 3 Điều 37 3. Trình Đại hội Cổ đông thông qua: a) Định hướng phát triển của Công ty; b) Kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh và ngân sách hàng năm; c) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, các văn bản, quy chế, quy định thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng Cổ đông; d) Tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty; e) Các loại cổ phân và tổng số cổ phân của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phân;</p>	<p>Lược bỏ toàn bộ Khoản 3 Điều 37</p>	

	<p>f) Phát hành trái phiếu chuyên đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>g) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm;</p> <p>h) Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và phải đảm bảo có các nội dung theo Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p> <p>i) Phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và trích lập các quỹ;</p> <p>j) Phương án tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản của Công ty;</p> <p>k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>l) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35 (ba mươi lăm) % tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>m) Quyết định mua lại cổ phần mà thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>n) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>o) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>p) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.</p>		
<p>7. Khoản 10 Điều 37 10. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác,</p>		<p>Lược bỏ toàn bộ Khoản 10 Điều 37</p>	<p>Lược bỏ để tinh gọn Điều lệ. Nếu Điều lệ không cấm việc ủy quyền, thì</p>

	Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.		việc ủy quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của văn bản nội bộ từng thời kỳ.
8.	Khoản 12 Điều 37 12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.	Lược bỏ toàn bộ Khoản 12 Điều 37	Lược bỏ để tránh sự trùng lặp giữa Khoản 12 Điều 37 và điểm ee khoản 2 Điều 37. (ee. <i>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</i>)
9.	Điểm b Khoản 12 Điều 42 Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT và những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.	Lược bỏ toàn bộ điểm b Khoản 12 Điều 42	- Không có quy định pháp luật cụ thể về trường hợp này. - Quy định pháp luật và Điều lệ hiện hành như sau: Cuộc họp HĐQT được diễn ra khi có từ $\frac{3}{4}$ tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Thành viên HĐQT sẽ không có quyền biểu quyết về các vấn đề mà mình có lợi ích liên quan.
10.	Khoản 5 Điều 44 5. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau: a) Thành viên đó không còn đáp ứng đủ điều kiện	Đề xuất sửa đổi nội dung Khoản 5 Điều 44 như sau: “Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Khoản 1,2 và 3 Điều 44 Điều lệ.”	- Tránh trùng lặp nội dung với Khoản 1,2,3 Điều 44 Điều lệ; - Không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện

<p>làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng Quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d trên đây, Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên ngay sau khi Hội đồng Quản trị có quyết định xác nhận Thành viên đó đã không còn tư cách thành viên mà không cần có sự phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông.</p>	<p>tại: Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều lệ mẫu công ty đại chúng</p>
<p>Đề xuất bỏ nội dung này</p>	<p>Không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện tại: Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều lệ</p>
<p>11. Khoản 7 Điều 44 Trong trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế chỗ trống và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông ngay tiếp sau đó.</p>	



	<p>Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.</p> <p>Trong trường hợp Đại hội đồng Cổ đông không chấp thuận thì thành viên mới này sẽ mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, nhưng những biểu quyết của thành viên này trong thời gian từ lúc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm đến ngày Đại hội đồng Cổ đông ra quyết định không chấp thuận vẫn được công nhận là có giá trị pháp lý và những Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua trong thời gian này sẽ không bị vô hiệu.</p>	mẫu công ty đại chúng
<p>12. Khoản 5 Điều 57</p> <p>5. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban</p>	<p>Đề xuất bỏ nội dung này</p>	<p>Trùng lặp nội dung với quy định tại Điều 62 Điều lệ</p>



	<p>Kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d trên đây, thành viên Ban Kiểm soát sẽ không còn tư cách thành viên ngay sau khi Hội đồng Quản trị có quyết định xác nhận thành viên đó đã không còn tư cách thành viên mà không cần có sự phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông.</p>		
13.	<p>Điều 58. Trưởng Ban Kiểm soát</p> <p>1. Các thành viên Ban Kiểm soát phải bầu ra một thành viên làm Trưởng ban. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải hoạt động theo chế độ chuyên trách.</p>	<p>Điều 58. Trưởng Ban Kiểm soát</p> <p>1. Các thành viên Ban Kiểm soát phải bầu ra một thành viên làm Trưởng ban. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải hoạt động theo chế độ chuyên trách.</p>	<p>Điều 168-169 Luật Doanh nghiệp và các văn bản Luật không quy định không bắt buộc Trưởng Ban Kiểm soát phải hoạt động theo chế độ chuyên trách</p>
14.	<p>Điều 62. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại khoản 5, Điều 57 tại Điều lệ này.</p>	<p>Đề xuất sửa đổi nội dung Khoản 1 Điều 62 như sau: “Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều này.”</p>	<p>Đề đảm bảo tuân thủ Điều 174 Luật Doanh nghiệp, Bộ Nội dung này đã được quy định ở các khoản khác trong Điều này.</p>
15.	<p>Điều 62 - Thay thế thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>2. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để xem xét miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.</p>	<p>Đề xuất bỏ khoản 2 Điều 62</p>	<p>Trung lập điểm c Khoản 4 Điều 62</p>
16.	<p>Điều 62 - Thay thế thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>3. Đại hội đồng Cổ đông <u>miễn nhiệm</u> Thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p> <p>4. Đại hội đồng Cổ đông <u>cho thôi chức vụ, miễn</u></p>	<p>Điều 62 - Thay thế thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>2. Đại hội đồng Cổ đông <u>cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm</u> Thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p>	<p>Đề xuất sửa đổi nội dung Khoản 4 Điều 62 Theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp đánh số thứ tự lại</p>

	<p><u>nhiệm hoặc bãi nhiệm</u> Thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p>	<p>3. Đại hội đồng Cổ đông <u>bãi nhiệm</u> Thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây</p>	<p>Quy định pháp luật hiện hành không quy định cụ thể trường hợp này.</p> <p>Đề xuất lược bỏ để hạn chế vướng mắc khi áp dụng trên thực tế.</p>
<p>17.</p>	<p>Điểm b Khoản 9 Điều 63</p> <p>b) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó. và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.</p>	<p>Điểm b Khoản 9 Điều 63</p> <p>b) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó. và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.</p>	<p>Đề xuất bỏ vì trùng lặp nội dung với Điều 68</p> <p>Điều lệ mẫu trong thông tư 116 cũng chỉ đề 1 trong 2 nội dung (hoặc K7 Điều 65, hoặc Điều 68)</p>
<p>18.</p>	<p>Khoản 7 Điều 65</p> <p>TRÁCH NHIỆM CỦA TVHQQT, TVBKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC KHÁC</p> <p>Điều 65. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, những người liên quan đến họ hoặc doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, sẽ không bị vô hiệu hoá nếu các hợp đồng, giao dịch đó được thông qua/chấp thuận theo quy định nêu tại Điều 68 Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 7 Điều 65</p> <p>TRÁCH NHIỆM CỦA TVHQQT, TVBKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC KHÁC</p> <p>Điều 65. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, những người liên quan đến họ hoặc doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, sẽ không bị vô hiệu hoá nếu các hợp đồng, giao dịch đó được thông qua/chấp thuận theo quy định nêu tại Điều 68 Điều lệ này.</p>	<p>Đề xuất bỏ vì trùng lặp nội dung với Điều 68</p> <p>Điều lệ mẫu trong thông tư 116 cũng chỉ đề 1 trong 2 nội dung (hoặc K7 Điều 65, hoặc Điều 68)</p>

<p>19. Điều 75. Báo cáo Tài chính năm, bán niên và quý</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 175 Luật Doanh nghiệp, Điều 29 Thông tư 121/2020/TT-BTC, Điều 75 Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.</p> <p>Trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo, Công ty phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán được chấp thuận.</p> <p>Báo cáo tài chính của công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải có đầy đủ các thành phần và nội dung theo quy định của pháp luật kế toán quy định đối với công ty chứng khoán;</p> <p>Trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến kiểm toán ngoại trừ chưa nêu chi tiết khoản mục ngoại trừ và lý do ngoại trừ, công ty phải có văn bản giải trình và có xác nhận của kiểm toán gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết</p>	<p>Điều 75. Báo cáo Tài chính</p> <p>1. Báo cáo tài chính của Công ty được lập, trình bày, ban hành và lưu hành, được kiểm toán vào công bố thông tin theo các quy định nội bộ SHS, pháp luật và hướng dẫn của các CQQLNN.</p>	<p>Lược bỏ để tinh gọn Điều lệ, hạn chế việc Điều lệ bị ảnh hưởng trong trường hợp thay đổi các quy định pháp luật có liên quan.</p>
---	---	--

	<p>minh Báo cáo tài chính.</p> <p>3. Các Báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty được công bố trên trang Thông tin điện tử: www.shs.com.vn theo quy định pháp luật.</p> <p>4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>		
20.	<p>Điều 86. Ngày hiệu lực</p> <p>Bản Điều lệ này gồm XIX chương, 86 Điều, được ban hành theo Nghị quyết số 01-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS).</p>	<p>Điều 86. Ngày hiệu lực</p> <p>Bản Điều lệ này gồm XIX chương, 86 Điều, được ban hành theo Nghị quyết số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/5/2024 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS).</p>	

